

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2022

V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Đinh Thị Phúc

Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 448/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2021 về việc “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phan Văn M**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị U**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông M có mặt, bà U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phan Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Huỳnh Thị U chung sống với nhau từ năm 1996, vì hoàn cảnh lúc đó gia đình ở trong rừng đi lại khó khăn nên ông và bà M không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới ông và bà U chung sống tại thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Thời gian đầu ông và bà U chung sống hạnh phúc, có mâu thuẫn nhưng không lớn. Đến năm 2012 thì mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do bà U ham chơi bài bạc, còn chung sống với một người đàn bà khác, ông khuyên nhủ mà bà U không nghe, vì vậy ông quyết định sống ly thân với bà U từ năm 2012 cho đến nay là 10 năm, thời gian qua hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, mạnh ai nấy sống. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà U nữa nên ông đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Huỳnh Thị U để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Huỳnh Thị U có 02 con chung tên là Phan Văn L, sinh ngày 04/01/1997 và Phan Hữu L1, sinh ngày 20/10/1999. Hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được tài sản chung gồm có: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 45, diện tích 12.204m² tại xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 842966 do UBND huyện Đ cấp ngày 21/4/2010 đứng tên Phan Văn M, Huỳnh Thị U. Thửa đất số 59, diện tích 1.319,8m² tại thôn R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Một căn nhà xây cấp 4 diện tích 70m² trên diện tích đất 800m² tại thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Diện tích đất 4.000m² tại thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (đất chưa có giấy tờ). Ngoài ra còn có 3 lô đất khác bà Huỳnh Thị U đã bán.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Văn M yêu cầu chia tài sản chung, đến ngày 09/3/2022 ông rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà Huỳnh Thị U nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng II – Phòng giao dịch N số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). Tháng 4/2022 ông và bà U đã trả xong khoản nợ trên, không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là bà Huỳnh Thị U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Văn M chung sống với nhau vào năm 1996 không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xảy ra cãi vã nên bà chuyển về sống cùng mẹ bà từ năm 2017 cho đến nay, thời gian qua mạnh ai nấy sống, lâu lâu bà về thăm con. Nay ông M yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông M bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Văn L, sinh ngày 04/01/1997 và Phan Hữu L1, sinh ngày 20/10/1999. Hai con đều thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung:

Trong quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được những tài sản chung gồm có: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 45, tờ bản đồ số 45, diện tích 12.204m² tại

xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 842966 do UBND huyện Đ cấp ngày 21/4/2010, trên đất có 01 căn nhà tình thương do UBND xã Q xây cho mẹ bà vì mẹ bà là vợ liệt sỹ, diện tích xây dựng khoảng 100m². Thửa đất diện tích 4.000m² tại thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quyền sử dụng đất diện tích khoảng 1.000m² tại thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Một căn nhà cấp 4 diện tích 120m² trên diện tích đất khoảng 800m² tại thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tất cả tài sản chung bà và ông M sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng II – Phòng giao dịch N số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). Ly hôn, về nợ chung hai bên thỏa bà nhận trách nhiệm trả 100.000.000đ, ông M trả 20.000.000đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Văn M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Huỳnh Thị U, về con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông giữ nguyên việc rút yêu cầu chia tài sản chung, về nợ chung đã trả xong nên không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng là đúng quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M về việc yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn M và bà Huỳnh Thị U. Về con chung đã thành niên nên không xem xét. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, về nợ chung đã trả xong, không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tòa án đã thụ lý vụ án “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*”, tuy nhiên ông Phan Văn M và bà Huỳnh Thị U không đăng ký kết hôn nên cần xác định lại quan hệ tranh chấp là “*Không công nhận vợ chồng*” là phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Huỳnh Thị U cư trú tại thôn R, xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị U vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Huỳnh Thị U.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Ông Phan Văn M và bà Huỳnh Thị U chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn, do vậy việc kết hôn giữa ông M và bà U không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay ông Phan Văn M yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Huỳnh Thị U, bà Huỳnh Thị U đồng ý. Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn M và bà Huỳnh Thị U là phù hợp.

[4] *Về con chung:* Ông Phan Văn M và bà Huỳnh Thị M có 2 con chung là Phan Văn L, sinh ngày 04/01/1997 và Phan Hữu L1, sinh ngày 20/10/1999 đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Ông Phan Văn M rút yêu cầu chia tài sản chung. Xét việc rút yêu cầu này của ông M là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của ông M.

[6] *Về nợ chung:* Tại phiên tòa ông M xác nhận đã trả xong khoản nợ 120.000.000đ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng II – Phòng giao dịch N theo nội dung xóa đăng ký thế chấp ngày 12/4/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Do ông M và bà U không còn nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí:* Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả cho ông M án phí chia tài sản chung do đình chỉ yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M về việc “*Yêu cầu không công nhận vợ chồng*” đối với bà Huỳnh Thị U.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn M và bà Huỳnh Thị U.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M đối với yêu cầu chia tài sản chung.

3. Về án phí: Buộc ông Phan Văn M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.800.000đ (*Hai triệu tám trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông M đã nộp theo biên lai thu số 0007847 ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn trả cho ông Phan Văn M số tiền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chia tài sản chung ông M đã nộp.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Hằng